

A. CẤU TRÚC ĐỀ

Phần 1: Đọc hiểu (4,0 điểm): 5 câu, gồm:

- + Nhận biết: 2 câu (0,75điểm/câu)
- + Thông hiểu: 2 câu (0,75điểm/câu)
- + Vận dụng: 1 câu (1,0 điểm)

Phần 2: Viết (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ):

- Về một vấn đề XH có liên quan đến tuổi trẻ
- Về một vấn đề VH đặt ra trong văn bản Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm): Viết bài văn nghị luận khoảng (600 chữ):

- So sánh, đánh giá hai đoạn trích/ tác phẩm truyện hoặc thơ
- Về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (hoài bão, ước mơ...).

Thời gian làm bài: 90 phút

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Đọc hiểu

1. Ngữ liệu

- Truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại
- Thơ trữ tình hiện đại
- Văn bản nghị luận
- Kiến thức tiếng Việt (Biện pháp nói mĩa, nghịch ngữ; một số biện pháp tu từ trong thơ; lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa; nghệ thuật sử dụng điển cố)

2. Các dạng câu hỏi đọc hiểu

a. Truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại/hậu hiện đại

Nhận biết:

- Nhận biết được nhân vật người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn trong truyện ngắn/tiểu thuyết hiện đại.
- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngắn/tiểu thuyết hiện đại như: diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật.
- Nhận biết được đề tài, đặc điểm ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật của truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại; một số đặc điểm của phong cách hiện thực được thể hiện trong văn bản.
- Nhận biết được các dấu hiệu hiện đại trong tiểu thuyết và truyện ngắn.

Thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện.
- Phân tích được những đặc điểm của nhân vật truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại

- Lí giải vai trò, ý nghĩa của nhân vật với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.
- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong tác phẩm; phân tích được tác dụng của những yếu tố hiện đại (nếu có) trong tác phẩm.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được sự phù hợp giữa người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm.
- Phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá, được thể hiện trong văn bản.
- Hiểu và lí giải được một số đặc điểm cơ bản của phong cách văn học (nếu có) thể hiện trong tác phẩm.

Vận dụng:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm.
- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

b. Thơ trữ tình hiện đại

Nhận biết:

- Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ.
- Nhận biết được đề tài, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật trong thơ hiện đại.
- Nhận biết được những hình ảnh tiêu biểu, trung tâm của bài thơ.
- Nhận biết được các biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong văn bản thơ.
- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển, phong cách lãng mạn.

Thông hiểu:

- Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ.
- Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ; phân tích được sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
- Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng đặc biệt là các yếu tố tượng trưng, siêu thực (nếu có) trong bài thơ.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong bài thơ.

Vận dụng:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.

- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản thơ.
- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

c. Văn bản nghị luận

Nhận biết:

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản.
- Nhận biết được mục đích của người viết.
- Nhận biết được cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.

Thông hiểu:

- Lí giải được mối liên hệ giữa nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản.
- Đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- Tiếp cận và đánh giá được nội dung với tư duy phê phán; nhận biết được mục đích.
- Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng các thao tác lập luận (chẳng hạn chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ) trong văn bản để đạt được mục đích.
- Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này.
- Lí giải được cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận để đạt được mục đích.

Vận dụng:

- Rút ra bài học từ tác phẩm; thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.
- Thể hiện được quan điểm riêng trong tiếp nhận, đánh giá văn bản.

3. Kiến thức tiếng Việt

- Biện pháp nói mỉa, nghịch ngữ; một số biện pháp tu từ trong thơ; lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa...

II. Làm văn

1. Nghị luận về một đoạn trích/ tác phẩm truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại/hậu hiện đại.

a. Nhận biết:

- Nhận biết được nhân vật người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn trong truyện ngắn/tiểu thuyết hiện đại.
- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngắn/tiểu thuyết hiện đại như: diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật.
- Nhận biết được đề tài, đặc điểm ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật của truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại; một số đặc điểm của phong cách hiện thực được thể hiện trong văn bản.
- Nhận biết được các dấu hiệu hiện đại trong tiểu thuyết và truyện ngắn.

b. Thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện.

- Phân tích được những đặc điểm của nhân vật truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại
- Lí giải vai trò, ý nghĩa của nhân vật với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.
- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong tác phẩm; phân tích được tác dụng của những yếu tố hiện đại (nếu có) trong tác phẩm.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được sự phù hợp giữa người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm.
- Phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá, được thể hiện trong văn bản.
- Hiểu và lí giải được một số đặc điểm cơ bản của phong cách văn học (nếu có) thể hiện trong tác phẩm.

c. Vận dụng:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm.
- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

2. Nghị luận về một đoạn trích/ tác phẩm Thơ trữ tình hiện đại

Nhận biết:

- Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ.
- Nhận biết được đề tài, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật trong thơ hiện đại.
- Nhận biết được những hình ảnh tiêu biểu, trung tâm của bài thơ.
- Nhận biết được các biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong văn bản thơ.
- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển, phong cách lãng mạn.

Thông hiểu:

- Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ.
- Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ; phân tích được sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
- Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng đặc biệt là các yếu tố tượng trưng, siêu thực (nếu có) trong bài thơ.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong bài thơ.

Vận dụng:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.

- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản thơ.
- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

3. Nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ,...)

Nhận biết:

- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn /bài văn nghị luận.
- Nêu được cụ thể vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ.
- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn/bài văn nghị luận.

Thông hiểu:

- Phân tích được lí do và các phương diện liên quan đến tuổi trẻ của vấn đề.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Vận dụng:

- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ.
- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.
- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.
- Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.

C. KỸ NĂNG LÀM BÀI

1. Nắm vững kĩ năng làm văn: Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận.
2. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận và kĩ năng viết đoạn/bài văn nghị luận để viết một bài văn nghị luận có bố cục chặt chẽ, lôgic, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, giàu cảm xúc.
3. Kĩ năng viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) và viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ).

D. ĐỀ MINH HỌA

TRƯỜNG THPT HƯỚNG HÓA

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM 2024 - 2025

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(1) Tuổi trẻ của tôi
mười tám, hai mươi
trong và tinh khiết như nước suối đá
khỏe và mơn mớn như mầm lá
rộng và dài như mơ ước, yêu thương
vươn lên và bền vững như con đường
gắn vào đất, tạc vào mặt đất

(2) Tuổi trẻ như sao trời mát mắt
khi yên bình hạnh phúc ngược nhìn lên
và cháy bùng như lửa thiêng liêng
khi giặc già đụng vào bờ cõi
dẫu rụng xuống, vẫn chói lên lần cuối
gọi dậy những lớp người
dẫu rụng xuống, bầu trời không trống trải
trong mắt người sao vẫn mọc khôn nguôi...

(Trích *Con đường của những vì sao*, Nguyễn Trọng Tạo, Nguyễn Trọng Tạo tuyển tập - Thơ và nhạc, Tập một, NXB Văn học, 2019, tr. 549-550)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1 (0,75 điểm): Xác định chủ thể trữ tình của đoạn thơ trên.

Câu 2 (0,75 điểm): Chỉ ra những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp của tuổi trẻ ở khổ thơ (1).

Câu 3 (0,75 điểm): Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong đoạn thơ sau:

*Tuổi trẻ như sao trời mát mắt
khi yên bình hạnh phúc ngược nhìn lên
và cháy bùng như lửa thiêng liêng
khi giặc già đùng vào bờ cõi*

Câu 4 (0,75 điểm): Anh/Chị trình bày cách hiểu về hình ảnh *sao* được thể hiện trong đoạn thơ trên.

Câu 5 (1,0 điểm): Nhận xét tình cảm của tác giả dành cho tuổi trẻ qua đoạn thơ.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật được thể hiện trong đoạn thơ trên.

Câu 2 (4,0 điểm):

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề: *Tuổi trẻ cần sống có ước mơ.*

----- **HẾT** -----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		PHẦN ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Chủ thể trữ tình của đoạn thơ trên: tôi Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời có ý hoặc tương tự: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,75
	2	Những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp của tuổi trẻ ở khổ thơ thứ nhất: trong, tinh khiết, khỏe, mon mơn, rộng, dài, vươn lên, bền vững. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời 6-8 ý: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời 4-5 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời 2-3 ý: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời 1 ý, trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,75
	3	Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong đoạn thơ: So sánh tuổi trẻ với sao trời mát mắt và lửa thiêng liêng - Ca ngợi sức sống, nhiệt huyết của tuổi trẻ; khơi dậy lòng dũng cảm, tinh thần chiến đấu của tuổi trẻ khi ở trong sức sống ấy. - Làm cho đoạn thơ giàu hình ảnh và giá trị biểu cảm. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh chỉ trả lời được tác dụng 1: 0,75 điểm. - Học sinh chỉ trả lời được tác dụng 2: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,75
	4	Hình ảnh sao trong đoạn thơ được hiểu: Là biểu tượng cho vẻ đẹp của tuổi trẻ: đầy nhiệt huyết, yêu nước, dũng cảm, sẵn sàng chiến đấu khi tổ quốc cần. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc tương đương: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời chung chung, diễn đạt chưa rõ ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,75
	5	Nhận xét về tình cảm của tác giả dành cho tuổi trẻ qua đoạn thơ: - Trân trọng	1,0

		- Cảm phục sự dũng cảm, tinh thần chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu nhận xét: 0,5 điểm. - Học sinh nhận xét chung chung: 0,25 điểm. - Học sinh không nhận xét được: 0,0 điểm.	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về nét đặc sắc được thể hiện trong đoạn thơ trên.	2,0
		a. <i>Xác định yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ</i>	0,25
		c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý chính của đoạn văn. Gợi ý: + Đặc sắc về nghệ thuật: Cách tạo hình độc đáo, sáng tạo; sử dụng biện pháp tu từ so sánh linh hoạt; cách lựa chọn từ ngữ, hình ảnh giàu cảm xúc. + Đặc sắc về nội dung: Khắc họa hình ảnh của tuổi trẻ có sức khỏe; có tâm hồn trong sáng, nhiều mơ ước; giàu nhiệt huyết, lí tưởng công hiến và hi sinh cho Tổ quốc... - Sắp xếp được các ý hợp lí theo hình thức đoạn văn. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được đặc sắc của đoạn thơ: 0,5 điểm. - Học sinh nêu được đặc sắc của đoạn thơ nhưng còn chung chung: 0,25 điểm. - Học sinh không nêu được đặc sắc của đoạn thơ: 0,0 điểm.	0,5
		d. <i>Triển khai ý đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: được đặc sắc của đoạn thơ - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. Hướng dẫn chấm: - Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, phân tích đầy đủ, sâu sắc: 0,5 điểm. - Luận điểm chưa rõ ràng, phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm	0,5
		đ. Diễn đạt	0,25

	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	
	<i>e. Sáng tạo</i> Suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt hình ảnh, mới mẻ...	0,25
2	Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề: Tuổi trẻ cần sống có ước mơ.	4,0
	<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tuổi trẻ cần sống có ước mơ</i>	0,5
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận theo các ý chính: - Giải thích: <i>Ước mơ</i> được hiểu là khao khát, ý muốn của con người muốn đạt được một vật gì đó, được làm nghề gì đó hoặc trở thành người như nào đó. Khi mỗi người có ước mơ họ trở nên tốt đẹp hơn, đề cao tầm quan trọng của ước mơ trong cuộc sống con người. - Phân tích: Người có ước mơ mới có động lực làm việc, học tập và cống hiến cho xã hội. Khi mỗi con người trên con đường thực hiện ước mơ của mình cũng chính là đóng góp cho xã hội, cho đất nước phát triển. Trên con đường thực hiện ước mơ chúng ta có thể gặp những khó khăn thử thách, khi vượt qua được thử thách đó chúng ta sẽ có thêm những bài học quý giá để hoàn thiện bản thân mình. Người sống có ước mơ sẽ thấy cuộc sống tươi đẹp hơn, nhiều màu sắc hơn. Khi theo đuổi ước mơ, chúng ta sẽ rèn luyện được những đức tính quý báu như kiên trì, nhẫn nại, chăm chỉ... (Học sinh lấy dẫn chứng về những con người sống có ước mơ nổi bật, tiêu biểu mà được nhiều người biết đến.) - Bàn luận ý kiến trái chiều. - Bài học. Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được từ 3 ý : 1,0 điểm. - Học sinh nêu được 2 ý : 0,75 điểm; 1 ý: 0,5 điểm; .	1,0
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	1,5

	Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Hướng dẫn chấm: - Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm. - Luận điểm khá rõ ràng, lập luận khá chặt chẽ, phân tích tương đối đầy đủ: 0,75 -1,25 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.	
	đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản... Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu học sinh sai quá nhiều lỗi.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ, có liên hệ, kết nối, ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh đạt 2 tiêu chí trở lên: 0,5 điểm. - Học sinh đạt 1 tiêu chí: 0,25 điểm.	0,5
Tổng điểm		10